

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Văn Thái;
Các hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hiền và ông Trần Ngọc Chiến;
- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** chị Ngô Thị Bích H, sinh năm 1993; nơi thường trú: thôn Đ, xã A, tỉnh Hưng Yên; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: anh Từ Văn M, sinh năm 1991; nơi thường trú: xóm C, thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2025, bản tự khai tại hồ sơ vụ án ngày 20/8/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Ngô Thị Bích H đều trình bày: chị và anh Từ Văn M kết hôn vào ngày 03 tháng 5 năm 2018, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã H, tỉnh Quảng Ninh) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, cả chị và anh M chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm C, thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã H, tỉnh Quảng Ninh). Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có sự bàn bạc, chia sẻ, anh M thường xuyên chơi cờ bạc thâu đêm, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, thậm chí còn đánh đập chị vô cớ. Vì vậy, đến tháng 6 năm 2018 vợ chồng chị đã chính thức sống ly thân nhau, chị đã về nhà

ngoại ở A, Hưng Yên sống từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân, cả hai vợ chồng chị không liên lạc, không hòa giải được với nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng chị cũng được gia đình hai bên cũng khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Cho đến nay tình cảm của chị dành cho anh M không còn gì nữa và cũng không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Từ Văn M càng sớm càng tốt, để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị H và anh M không có con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: chị H đề nghị được chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

* Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Từ Văn M nhiều lần để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh M, nhưng anh M không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc ly hôn, nuôi con, tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Quảng Ninh có ý kiến cho rằng Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS (không có mặt làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án). Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: chị Ngô Thị Bích H có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Từ Văn M, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bích H, chị H được ly hôn anh Từ Văn M; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: chị Ngô Thị Bích H yêu cầu xin ly hôn với anh Từ Văn M hiện cư trú tại xã H, tỉnh Quảng Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Ngô Thị Bích H có đơn xin xử án vắng mặt; bị đơn anh Từ Văn M trong suốt quá trình giải quyết vụ án được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh đã tổng đạt họp lệ lần thứ hai cho

anh M, nhưng anh M không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: chị Ngô Thị Bích H và anh Từ Văn M tự nguyện kết hôn vào ngày 03 tháng 5 năm 2018, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C (nay là xã H), tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng hơn 06 tháng, chị H và anh M chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm C, thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã H, tỉnh Quảng Ninh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có sự bàn bạc, chia sẻ, anh M thường xuyên chơi cờ bạc thâu đêm, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, ảnh hưởng đến gia đình, thôn xóm. Vì vậy, cho đến tháng 6 năm 2018 vợ chồng anh chị Hồng M1 đã chính thức sống ly thân nhau, chị H đã về nhà ngoại ở A, Hưng Yên sống từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân, cả hai vợ chồng chị không liên lạc, không hòa giải được với nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng chị cũng được gia đình hai bên cũng khuyên giải nhưng không có kết quả.

Do vợ chồng chị H và anh M1 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân nhau trong thời gian dài, không chung sống và không quan tâm đến nhau nên khẳng định tình cảm giữa hai người không còn gì, chị H và anh M1 không quan tâm đến cuộc sống của nhau và không bàn bạc để tìm biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Bản thân anh M1 khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh M1 cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị H khởi kiện ly hôn anh M1 là hoàn toàn có căn cứ. Kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú giữa chị H và anh M1 phù hợp với nội dung mâu thuẫn giữa chị H và anh M1 như nội dung chị H trình bày. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh M1.

[3] Về con chung: chị H và anh Từ Văn M không có con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: chị Ngô Thị Bích H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bích H, cho chị H được ly hôn với anh Từ Văn M.

2. Về án phí: chị Ngô Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000087 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử sơ thẩm, công khai vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền Trần Ngọc Chiến

Hoàng Văn Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh,
- VKSND khu vực 3 – Quảng Ninh;
- UBND xã Hải Hòa, tỉnh QN;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thái

Đ-

-

-

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 00 phút ngày 26 tháng 9 năm 2025;
Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh;
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Hoàng Văn T;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Ngọc C

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Ngô Thị Bích H, sinh năm 1993; nơi thường trú: thôn Đ, xã A, tỉnh Hưng Yên;

- *Bị đơn*: anh Từ Văn M, sinh năm 1991; nơi thường trú: xóm C, thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về yêu cầu khởi kiện và căn cứ pháp luật để quyết định:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bích H, cho chị H được ly hôn với anh Từ Văn M.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về con chung: không có

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về án phí: chị Ngô Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000087 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 04 tháng 8 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền Trần Ngọc Chiến

Hoàng Văn Thái